

Bản án số: 02/2023/HNGĐ -ST

Ngày 11/01/2023

"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Lương Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chủ

Ông Nguyễn Thanh Bình

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hữu - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2022/TLST - HNGĐ ngày 21/11/2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 27/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị B, sinh năm 1977

Trú tại: TA, TL, TT, BN

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1977

Trú tại: VT, VN, AT, HY

Chị B, anh L có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2022 và lời khai của chị B trình bày chị và anh L tự tìm hiểu nhau, sau đó được hai gia đình tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Nhuệ vào năm 1997. Sau khi cưới chị về ngay gia đình chồng chung sống. Được một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu, sau đó đánh đập chị, nhưng vì các con nên chị vẫn chịu đựng. Đến năm 2014 vợ chồng làm nhà chị nghĩ ông L sẽ thay đổi tính nết nhưng vẫn chứng nào tật ấy, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Do mâu thuẫn, năm 2016 chị mang các con về Bắc Ninh sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn anh L.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Văn Thành, sinh ngày 17/8/1998; Nguyễn Thị Thuận, sinh ngày 13/8/2000 và Nguyễn Thị Lan, sinh ngày 23/4/2003. Các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết

Về tài sản chung, công sức: Chị B xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà 01 tầng xây trên đất của bố mẹ chồng tại Văn Trạch, Văn Nhuệ.

Về nợ: Vợ chồng có nợ của bà Miên 18.000.000 đồng, nợ chị San 9.000.000 đồng, nợ ông Muộn 14.600.000 đồng, nợ anh Hà 4.500.000 đồng, nợ chị Lựu 5 chỉ vàng 9999, nợ mẹ anh L 2 chỉ vàng 9999. Khi mở tim cho cháu Thuận đã vay của chị Chiên 60.000.000 đồng, anh Sơn 60.000.000 đồng, chị Thanh 70.000.000 đồng.

Anh L trình bày: Anh và chị B kết hôn vào ngày 16/10/1997, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 03 con chung. Sau đó vợ chồng lên Long Biên làm ăn, chị B không làm nữa bỏ về mang 3 con về Thuận Thành, Bắc Ninh, anh không chửi bới gì, chị B xin ly hôn là vì có người khác nên anh không đồng ý ly hôn vì lý do còn có 3 con và các cháu.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Văn Thành, sinh ngày 17/8/1998; Nguyễn Thị Thuận, sinh ngày 13/8/2000 và Nguyễn Thị Lan, sinh ngày 23/4/2003. Các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Khi làm nhà vợ chồng có nợ của bà Miên 18.000.000 đồng, nợ chị San 9.000.000 đồng, nợ ông Muộn 14.600.000 đồng, nợ anh Hà 4.500.000 đồng, nợ chị Lựu 5 chỉ vàng 9999, nợ mẹ anh 2 chỉ vàng 9999...

Bà Đỗ Thị Lộc (mẹ đẻ của anh L) trình bày: Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Nhuệ vào năm 1997. Sau khi cưới, chị B về ngay gia đình chồng chung sống. Quá trình chung sống bà thấy anh chị có thời gian hạnh phúc, hòa thuận và có 03 con chung, một thời gian có thấy cãi nhau nguyên nhân chị B nói ông ăn chả thì bà ăn nem, anh L bực tức có đánh chị B vì chị B cãi lại. Khoảng 06 năm trước chị B bán hết thóc và mang 3 con về Bắc Ninh sinh sống. Gia đình bà có lên tìm nhưng không biết địa chỉ cụ thể, khi hai con của bà mất gia đình có gọi điện nhưng chị B không về, năm 2020 chị B có về tổ chức cưới cho con trai. Nay chị B xin ly hôn gia đình vẫn khuyên vợ chồng về ở với nhau nhưng không được, nên việc anh chị có chung sống với nhau được nữa hay không là quyền của anh chị.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Văn Thành, sinh ngày 17/8/1998; Nguyễn Thị Thuận, sinh ngày 13/8/2000 và Nguyễn Thị Lan, sinh ngày 23/4/2003. Các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết

Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà xây 1 tầng trên đất của vợ chồng bà.

Về nợ: Anh chị có vay của bà 2 chỉ vàng 9999 khi mở tim cho cháu Thuận, bà không có yêu cầu vì anh L, chị B đã thống nhất tự thỏa thuận.

Bà Miên, bà San, ông Muộn: Năm 2013, vợ chồng chị B, anh L có làm nhà mua của bà Miên vật liệu xây dựng, tổng số tiền là 18.900.000 đồng, đã trả 10.000.000 đồng, còn nợ 18.900.000 đồng, mua gạch của bà San là hơn 10.000.000 đồng, đã trả còn nợ là 9.000.000 đồng, mua cát, gạch của ông Muộn là 23.800.000 đồng, đã trả còn nợ lại là 14.600.000 đồng nay bà Miên, bà San, ông Muộn không có yêu cầu đòi số tiền nợ này.

Chị Lựu trình bày: Năm 2013 chị B, anh L làm nhà có vay của chị 5 chỉ vàng 9999, không lãi, thời hạn vay là 1 năm nhưng sau 1 năm vẫn không trả và đến nay chưa trả được, chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Thanh, chị Chiên, anh Sơn trình bày: Năm 2007, cháu Thuận mồ tìm nên có cho chị B vay số tiền của chị Thanh là 60.000.000 đồng, chị Chiên số tiền 60.000.000 đồng, anh Sơn số tiền 60.000.000 đồng, chị B có viết giấy biên nhận, đến nay vẫn chưa trả được. chị Thanh, anh Sơn, chị Chiên không có yêu cầu

Anh Hà trình bày: Năm 2013 chị B, anh L làm nhà có vay của anh số tiền công để mua vật liệu xây dựng là 4.500.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả anh nhưng anh không yêu cầu giải quyết

Tại biên bản xác minh với UBND xã Văn Nhuệ: Anh L, chị B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Nhuệ vào năm 1997, sau khi thành vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại Văn Trạch, Văn Nhuệ, Ân Thi. Quá trình chung sống có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được. Anh L làm nông nghiệp tại địa phương, thường xuyên rượu chè, chị B và các con không sống chung với anh L đã được vài năm.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Văn Thành, sinh ngày 17/8/1998; Nguyễn Thị Thuận, sinh ngày 13/8/2000 và Nguyễn Thị Lan, sinh ngày 23/4/2003.

Về tài sản chung, công nợ: Không nắm được

Tại phiên tòa ngày 11/01/2023: Chị B vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, anh L mong muốn vợ chồng về ở với nhau.

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn, người có QLVN liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về đường lối giải quyết:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 217, 218 BLTTDS; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị B. Xử cho chị B được ly hôn anh L

- Về con chung: Anh L, chị B có 03 con chung là Nguyễn Văn Thành, sinh ngày 17/8/1998; Nguyễn Thị Thuận, sinh ngày 13/8/2000 và Nguyễn Thị Lan, sinh ngày 23/4/2003. Các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị B có yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng ngày 08/12/2022, chị B rút yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, anh L và những người có QLVN liên quan không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của chị B.

+ Chị B phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh L, chị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 1997. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh L, chị B là hợp pháp. Nay chị B có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh L hiện nay đang ở tại Văn Trạch, Văn Nhuệ, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị B xác định vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu, chị và gia đình khuyên nhưng anh L không nghe, sau đó vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh L còn đánh đập chị. Mâu thuẫn trầm trọng vào năm 2016, chị B không thể chịu đựng được nữa nên chị B đã phải mang cả 03 con về Bắc Ninh sinh sống, anh L xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn, việc chị B tự bỏ đi, anh L không chửi bới, đánh đuổi chị B. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị B đã cho anh L nhiều cơ hội, cụ thể năm 2021 chị B về cưới con nhưng anh L không thay đổi nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh L, về phía anh L anh mong muốn vợ chồng về ở với nhau vì anh xác định đã có cháu nội, cháu ngoại nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng trong suốt quá trình vợ chồng sống ly thân nhau và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, chị B vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, còn anh L vẫn mong muốn vợ chồng về ở với nhau nhưng không có biện pháp gì. Từ phân tích trên, HĐXX thấy hôn nhân giữa anh L, chị B đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được thể hiện việc anh chị đã có thời gian dài sống ly thân nhau, anh L, chị B không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa thể hiện việc anh L có đánh, chửi chị B phù hợp với lời khai của anh Hà, ông Thuế, bà Lộc vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh L, chị B có 03 con chung là Nguyễn Văn Thành, sinh ngày 17/8/1998; Nguyễn Thị Thuận, sinh ngày 13/8/2000 và Nguyễn Thị Lan, sinh ngày 23/4/2003. Các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ngày 27/10/2022, chị B nộp đơn xin ly hôn có yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung của vợ chồng cụ thể là 01 ngôi nhà xây trên đất của bà Lộc, ông Tụng, mua vật liệu xây dựng còn nợ của bà Miền, bà San, ông Muộn, vay tiền của anh Hà, chị Thanh, chị Chiên, anh Sơn, bà Lộc, chị Lưu nhưng đến ngày 08/12/2022 chị B rút yêu cầu không đề nghị Tòa giải quyết đối với tài sản chung, công nợ của vợ chồng khi ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh L, bà Miền, bà San, chị Lưu, bà Lộc, ông Muộn, chị Thanh, chị Chiên, anh Sơn, ông Tụng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Do chị B rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị B rút yêu cầu giải quyết tài sản chung, công nợ nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này, chị B được trả lại án phí chia tài sản chung, công nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 147, 217, 218 BLTTDS
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn L

2- Về con chung: Anh L, chị B có 03 con chung là Nguyễn Văn Thành, sinh ngày 17/8/1998; Nguyễn Thị Thuận, sinh ngày 13/8/2000 và Nguyễn Thị Lan, sinh ngày 23/4/2003. Các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của anh L, chị B.

4 - Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003067 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Hoàn trả chị B số tiền 4.700.000 đồng.

5- Quyền kháng cáo: Chị B, anh L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT và THA tỉnh;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Văn Nhuệ, Ân Thi, Hưng Yên;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Lương Hồng

